TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỒNG XUÂN** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/HS-ST
Ngày 17/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG XUÂN, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa: Ông Trần Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tiến và Bà Đặng Thị Duyên

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trúc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên.

- ***Đại diện VKSND huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên tham gia phiên toà***: Ông Bùi Văn Lâm – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên mở phiên toà trực tuyến công khai để xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 21/2023/TLST-HS ngày 28 tháng 06 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. La Lan M; tên gọi khác: Ma Hòa; Sinh ngày: 02/02/1990, tại: Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 12/12; Cha: NLQ5, sinh năm 1964; Mẹ: La Lan Thị C, sinh năm 1966; Vợ: NLQ1, sinh năm 1993; Bị cáo có 01 con, sinh năm 2014. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/05/2023 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Trần Thị Như Thủy – Luật sư, do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử, vắng mặt.

2. La Lan Thị A; tên gọi khác: "Mó Nghiệp"; Giới tính: Nữ; sinh ngày: 01/01/1967, tại: Phú Yên; Nơi cư trú: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Chăm; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Cha: So A1 (chết); Mẹ: La Lan Thị A2 (chết); Chồng: So A3 (chết). Bị cáo có 04 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2010. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 12/05/2023 đến nay. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo A: Ông Ngô Tấn Hải – Luật sư, do trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên cử, có mặt.

* Nguyên đơn dân sự: Uỷ ban nhân dân xã M, do ông Nguyễn Văn Minh - Chủ tịch UBND xã M, Đại diện theo pháp luật, có mặt.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

NLQ1; sinh năm 1993; NLQ2; sinh năm 1995; NLQ3, sinh năm 1986; NLQ4, sinh năm 1985; NLQ5, sinh năm 1964; NLQ6, sinh năm 1977; NLQ7, sinh năm 1985; NLQ8, sinh năm 1982; NLQ9, sinh 1977; NLQ10, sinh 1987; NLQ11, sinh 1985; NLQ12, sinh 1990; NLQ13, sinh 1981; NLQ14, sinh 1986.

Cùng trú tại: Thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên. Tất cả đều có mặt. Riêng NLQ4, NLQ9 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 6/2020, La Lan M nói vợ là NLQ1 cùng đi đến khu rẫy trước đây ông bà, cha mẹ đã khai hoang, canh tác ở khu vực rừng có tục danh "suối Mò O" thuộc khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên (rừng do UBND xã M, huyện D quản lý) để phát dọn cây rừng lấy đất canh tác trồng lúa, trồng keo. Sau đó, M trực tiếp gọi thêm 10 nhân công là cha, chú, anh, chị, em họ hàng của M gồm vợ chồng NLQ3, NLQ12; vợ chồng NLQ4, NLQ10; vợ chồng NLQ14, NLQ9; vợ chồng NLQ13, NLQ7; cha ruột M là NLQ5 và chú M là NLQ6, tất cả cùng trú tại thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên cùng tham gia phát dọn rừng với M, với hình thức vòng đổi công qua lại cho nhau. M cùng vợ và các nhân công trực tiếp dùng rựa phát dọn rừng với hình thức phát trắng, còn những cây rừng có đường kính lớn M trực tiếp sử dụng máy cưa để cắt hạ. Sau khi phát dọn rừng liên tục trong thời gian 03 ngày thì M cho nhân công nghỉ, chờ cây rừng khô để đốt. Cùng thời gian này, La Lan Thị A nói con rể của mình là NLQ2 cùng đi đến khu rừng mà trước đây vợ chồng A đã

khai hoang, canh tác ở vị trí tiếp giáp với khu rừng mà La Lan M đang phát dọn thuộc khoảnh 4, tiểu khu 74 để phát dọn cây rừng lấy đất trồng lúa. A trực tiếp dẫn NLQ2 đi đến khu rừng và cùng NLQ2 dùng rựa phát dọn cây rừng, theo hình thức phát trắng liên tục trong vòng 03 ngày thì A nghỉ không phát nữa ở nhà chăm sóc chồng đang bị bệnh ung thư và con gái (vợ của NLQ2) đang sinh con. Sau đó, A tiếp tục bảo NLQ2 gọi thêm vợ chồng NLQ4, NLQ10; vợ chồng NLQ8, NLQ5 đều trú cùng thôn P, xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên tham gia phát rừng cho A với hình thức vòng đổi công qua lại cho nhau. NLQ2 cùng với NLQ4, NLQ10, NLQ12, NLQ5 tiếp tục đến khu rừng và phát dọn thêm 02 ngày nữa thì NLQ2 cho nhân công nghỉ, còn NLQ2 một mình sử dụng rựa và máy cưa tiếp tục phát dọn bìa ranh, cắt hạ những cây rừng có đường kính lớn thêm 01 ngày thì nghỉ, chờ cây rừng khô để đốt. Đến ngày 30/6/2022, Hạt Kiểm lâm huyện D phối hợp với UBND xã M, huyện D và các cơ quan chức năng tiến hành kiểm tra, phát hiện, lập biên bản. Qua điều tra, La Lan M và La Lan Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại biên bản kiểm tra, xác định diện tích rừng bị chặt phá trái phép lập ngày 02/4/2021, xác định: Diện tích rừng La Lan M chặt phá là: 14.940m^2; diện tích rừng La Lan Thị A chặt phá là: 10.780m2; còn lại 80m^2 là đất trống, không có rừng.

Tại kết luận giám định tư pháp số 1055/KLGĐ-CCKL ngày 03/11/2020 của Chi cục Kiểm lâm tỉnh Phú Yên kết luận: Tổng diện tích rừng bị chặt phá tại khoảnh 4, tiểu khu 74, xã M, huyện D là 25.800m^2, trạng thái rừng nghèo kiệt; chức năng rừng sản xuất (phê duyệt tại Quyết định 2570/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của UBND tỉnh Phú Yên).

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-ĐGTS ngày 12/9/2022 của Hội đồng định giá trong Tố tụng hình sự huyện D kết luận: Tổng giá trị tài sản bị thiệt hại trong vụ án là 184.092.127 đồng. Trong đó: Giá trị tài sản bị thiệt hại trên diện tích 14.940m^2 là 106.602.186 đồng; giá trị tài sản bị thiệt hại trên diện tích 10.780m^2 là 76.919.114 đồng.

Vật chứng vụ án: Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân.

Tại bản cáo trạng số: 21/CT-VKSĐX ngày 26 /06/2023, NLQ1Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo La Lan M và La Lan Thị A về tội: *"Hủy hoại rừng"* theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 243 BLHS.

Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng. Kết luận các bị cáo La Lan M và La Lan Thị A phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*. Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo La Lan M và La Lan Thị A phạm tội " *Huỷ hoại rừng* ".

* Về hình phạt chính: Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 65 BLHS:

+ Xử phạt bị cáo La Lan M từ 18 tháng đến 24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 tháng đến 48 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

+ Xử phạt bị cáo La Lan Thị A từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án Hình sự.

* Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Biện pháp tư pháp: Không.

* Về vật chứng vụ án. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, tiêu huỷ: 01 cái rựa dài 76cm, đã qua sử dụng, phần cán dài 47cm, phần lưỡi dài 29cm, có khâu màu đen; 01 cái rựa dài 36,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 25,5cm, bản rộng 3,5cm, cán bị gãy chỉ còn lại chuôi rựa dài 11cm, có gắn một khâu kim loại màu trắng, đường kính 03cm; 01 cái rựa dài 73cm, lưỡi bằng kim loại dài 25cm, bản rộng 3,7cm, cán bằng gỗ dài 48cm, đường kính 03cm và có một khâu kim loại màu trắng; 01 cái rựa dài 72,5cm, cán bằng gỗ dài 47cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 25,5cm, bản rộng 04cm; 01 cái rựa dài 55cm, cán bằng gỗ dài 40cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại bị gãy một đầu, bề mặt rỉ sét dài 15cm, bản rộng 3,1cm; 01 cái rựa dài 75cm, cán bằng gỗ dài 46cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 51cm, cán bằng gỗ dài 24cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 3,4cm; 01 cái

rựa dài 78cm, cán bằng gỗ dài 51cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 4,2cm bị mẻ một góc; 01 cái rựa dài 31,5cm, phần cán bị gãy chỉ còn phần khâu kim loại dài 7,5cm, đường kính 2,6cm, lưỡi bằng kim loại dài 24cm, bản rộng 3,6cm; 01 cái rựa dài 73cm, cán bằng gỗ dài 46cm, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 04cm; 01 cái rựa dài 66cm, cán bằng gỗ dài 40cm, đường kính 04cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 68,5cm, cán bằng gỗ dài 42cm, đường kính 2,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 50cm, cán bằng gỗ dài 23,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, bản rộng 03cm.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân).

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo La Lan M phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 106.602.186 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 101.602.186 đồng; buộc bị cáo La Lan Thị A phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 76.919.114 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 71.919.114 đồng.

Đối với khoản tiền chưa bồi thường, trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên có nghĩa vụ phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Đề nghị miễn án phí HSST và án phí DSST đối với bị cáo La Lan M và La Lan Thị A.

- Đối với NLQ1: Có hành vi cùng với chồng là La Lan M và các nhân công chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 14.940m^2. Hành vi của NLQ1 đã có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bản thân NLQ1 là vợ, sinh sống chung nhà với bị cáo M, tham gia phát rừng theo yêu cầu của chồng; trước khi đi phát rừng được M cho biết rừng tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D là rẫy cũ của ông bà, cha mẹ để lại nên không nhận thức được khu vực trên là rừng do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, bản thân NLQ1 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nhận thức pháp luật hạn chế, tham

gia phát rừng theo tục tập để có đất sản xuất. Xét thấy, tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của NLQ1 gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ1 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với NLQ2: Có hành vi cùng với mẹ vợ là La Lan Thị A và các nhân công chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 10.780m^2. Hành vi của NLQ2 đã có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bản thân NLQ2 là con rể, từ địa phương khác sinh sống chung nhà với bị can A, tham gia phát rừng theo yêu cầu của mẹ vợ; trước khi đi phát rừng được A cho biết rừng tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D là rẫy cũ của ông bà để lại nên không nhận thức được khu vực trên là rừng do Nhà nước quản lý, không được chặt phá. Mặt khác, bản thân NLQ2 là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tham gia phát rừng theo phong tục tập quán để có đất sản xuất. Xét thấy tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của NLQ2 gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với NLQ2 mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với NLQ3, NLQ12, NLQ4, NLQ10, NLQ14, NLQ9, NLQ13, NLQ7, NLQ5, NLQ6: Có hành vi tham gia phát rừng cho La Lan M và La Lan Thị A tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D. Hành vi của các đối tượng này đã có dấu hiệu của tội Huỷ hoại rừng, quy định tại Điều 243 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, qua điều tra xác định các đối tượng này trước khi đi phát rừng đều được M, A cho biết khu vực rừng trên là rẫy cũ của ông bà, cha mẹ M, A để lại nên không nhận thức được đây là rừng do Nhà nước quản lý, không được chặt phá; bản thân các đối tượng này đều là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; gia đình đều thuộc hộ nghèo, cận nghèo; có trình độ văn hoá thấp nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; tham gia phát rừng theo sự chỉ dẫn của M, A và theo tập tục địa phương. Xét thấy tính chất nguy hiểm do hành vi của các đối tượng trên gây ra là không đáng kể, đóng vai trò thứ yếu trong vụ án, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự đối với các đối tượng trên mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ, đúng quy định.

- Đối với NLQ8: Có hành vi tham gia phát rừng cho bị can La Lan Thị A tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên.Tuy nhiên, diện tích rừng mà

NLQ12 chặt phá dưới 5.000m^2 và không có yếu tố định tội khác nên hành vi của NLQ8 không cấu thành tội phạm.

- Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân sẽ tiếp tục điều tra, làm rõ, đề nghị xử lý sau.

* *Luật sự bào chữa cho bị cáo La Lan M(Theo bản luận cứ)*: Thống nhất với nội dung cáo trạng của viện kiểm sát và luận tội của kiểm sát viên về tội danh, Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

* *Luật sự bào chữa cho bị cáo La Lan Thị A trình bày*: Thống nhất với nội dung cáo trạng của viện kiểm sát và luận tội của kiểm sát viên về tội danh, Điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng truy tố. Các bị cáo nói lời sau cùng: Nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Đồng Xuân, Điều tra viên, NLQ1Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Xuân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo, các chứng cứ xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo La Lan M và La Lan Thị A đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, về thời gian, địa điểm phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ

kết luận: Do không có đất để canh tác nên khoảng tháng 6/2020, La Lan M đã có hành vi cùng với vợ là NLQ1 và các nhân công gồm: NLQ3, NLQ12, NLQ4, NLQ10, NLQ14, NLQ9, NLQ13, NLQ7, NLQ5 và NLQ6 đi đến khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 14.940m^2, gây thiệt hại 106.602.186 đồng; La Lan Thị A đã có hành vi cùng với con rể là NLQ2 và các nhân công gồm: NLQ4, NLQ10, NLQ8 và NLQ5 dùng rựa, máy cưa chặt phá rừng sản xuất, với diện tích 10.780m^2, tại khu rừng do UBND xã M, huyện D quản lý thuộc khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên, gây thiệt hại 76.919.114 đồng.

[3] Xét tính chất, mức độ, hậu quả của từng bị cáo thấy rằng:

- Đối với La Lan M: Biết rõ việc chặt phá rừng là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì thiếu đất sản xuất, bất chấp pháp luật, nên có hành vi chặt phá, hủy hoại rừng. Hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã vi phạm các quy định của nhà nước về quản lý bảo vệ rừng, làm ảnh hưởng đến môi trường sinh thái. Vì vậy cần phải có hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra mới có tác dụng răn đe giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo La Lan Thị A: Về tính chất, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng tương tự như bị cáo La Lan M, riêng mức độ gây thiệt hại, hậu quả thấp hơn so với bị cáo M nên khi lượng hình, cần xem xét mức án cho phù hợp.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo La Lan M, La Lan Thị A đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, mỗi bị cáo đã tự nguyện khắc phục bồi thường số tiền 5.000.000đ cho UBND xã M trước khi mở phiên tòa; các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; Bản thân các bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Xét đề nghị của kiểm sát viên và lời bào chữa của luật sư tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì vậy áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai bị cáo; các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điều 51 BLHS, có nơi cư trú rõ ràng, nên cần áp dụng Điều 54, Điều 65 BLHS xử phạt các bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và không cần cách ly ra khỏi xã hội, mà cho các bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục và phòng ngừa tội phạm, đồng thời cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người biết ăn năn hối cải.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại, nguyên đơn dân sự yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại, nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, buộc các bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại đã gây ra.

[5] Về vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu, tiêu huỷ các vật chứng *(Có đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân).*

[6] Về án phí: Các bị cáo là người đồng bào dân tộc thiểu số, cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn nộp án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Đối với NLQ1, NLQ2, NLQ3, NLQ8, NLQ4, NLQ10, NLQ14, NLQ9, NLQ13, NLQ7, NLQ5, NLQ6. HĐXX thấy rằng: Tuy những người này có tham gia phát rừng, nhưng mức độ tham gia không đáng kể; mặt khác họ không biết là rừng do nhà nước quản lý, cấm khai thác. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân áp dụng khoản 2 Điều 8 Bộ luật Hình sự không xử lý hình sự mà xem xét xử lý bằng biện pháp khác là có căn cứ.

- Đối với các cá nhân có trách nhiệm trong việc quản lý, bảo vệ rừng tại khoảnh 4, tiểu khu 74 xã M, huyện D: Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân tiếp tục điều tra, làm rõ, nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo La Lan M và La Lan Thị A phạm tội: *"Hủy hoại rừng"*.

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51, Điều 54 và Điều 65 BLHS đối với cả hai bị cáo.

Xử phạt: La Lan M 01(*Một*) năm 06(*Sáu*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 03 (Ba) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Xử phạt: La Lan Thị A 01(*Một*) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (*Hai*) năm kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo cho UBND xã M, huyện D, tỉnh Phú Yên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trong trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, các Điều 584, 585, 586 và 589 của Bộ luật dân sự. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn dân sự, buộc bị cáo La Lan M phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 106.602.186 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 101.602.186 đồng; buộc bị cáo La Lan Thị A phải bồi thường cho UBND xã M số tiền 76.919.114 đồng, bị cáo đã bồi thường 5.000.000đ nên còn phải tiếp tục bồi thường 71.919.114 đồng. Giao cho UBND xã Phú Mỡ được nhận số tiền 10.000.000đ(Mười triệu đồng) do các bị cáo La Lan M và La Lan Thị A khắc phục (Theo ủy nhiệm chi số 07 ngày 03 tháng 07 năm 2023 của Công an huyện Đồng Xuân, tỉnh Phú Yên).

Kể từ ngày nguyên đơn dân sự có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bị cáo La Lan M, La Lan Thị A chưa thi hành án đối với khoản tiền còn lại, sẽ phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thanh toán theo mức lãi xuất do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Tịch thu, tiêu huỷ: 01 cái rựa dài 76cm, đã qua sử dụng, phần cán dài 47cm, phần lưỡi dài 29cm, có khâu màu đen; 01 cái rựa dài 36,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 25,5cm, bản rộng 3,5cm, cán bị gãy chỉ còn lại chuôi rựa dài 11cm, có gắn một khâu kim loại màu trắng, đường kính 03cm; 01 cái rựa dài 73cm, lưỡi bằng kim loại dài 25cm, bản rộng 3,7cm, cán bằng gỗ dài 48cm, đường kính 03cm và có một khâu kim loại màu trắng; 01 cái rựa dài 72,5cm, cán bằng gỗ dài 47cm, đường kính 03cm, lưỡi

bằng kim loại dài 25,5cm, bản rộng 04cm; 01 cái rựa dài 55cm, cán bằng gỗ dài 40cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại bị gãy một đầu, bề mặt rỉ sét dài 15cm, bản rộng 3,1cm; 01 cái rựa dài 75cm, cán bằng gỗ dài 46cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 51cm, cán bằng gỗ dài 24cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 3,4cm; 01 cái rựa dài 78cm, cán bằng gỗ dài 51cm, đường kính 03cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 4,2cm bị mẻ một góc; 01 cái rựa dài 31,5cm, phần cán bị gãy chỉ còn phần khâu kim loại dài 7,5cm, đường kính 2,6cm, lưỡi bằng kim loại dài 24cm, bản rộng 3,6cm; 01 cái rựa dài 73cm, cán bằng gỗ dài 46cm, đường kính 3,2cm, lưỡi bằng kim loại dài 27cm, bản rộng 04cm; 01 cái rựa dài 66cm, cán bằng gỗ dài 40cm, đường kính 04cm, lưỡi bằng kim loại dài 26cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 68,5cm, cán bằng gỗ dài 42cm, đường kính 2,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, bản rộng 3,5cm; 01 cái rựa dài 50cm, cán bằng gỗ dài 23,5cm, đường kính 2,5cm, lưỡi bằng kim loại dài 26,5cm, bản rộng 03cm.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng như mô tả tại Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 29/6/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện Đồng Xuân với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Xuân).

* Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo La Lan M và La Lan Thị A được miễn nộp án phí.

* Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Riêng người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- Sở tư pháp tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện D;
- Công an huyện Đồng Xuân;
- CC THADS huyện D;
- UBND xã M.
- Những người tham gia tố tụng;

Trần Ngọc Trung